

Bản án số: 672/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh- Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1212/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 226 đường H1, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Kim H, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 121 đường N, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2018 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr (viết tắt là ông Tr) trình bày:

Ông Tr và bà Trần Kim H (viết tắt là bà H) chung sống và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 07 tháng 12 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Trích lục kết hôn số 48. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống chung với cha mẹ ông Tr tại địa chỉ 226 đường H1, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2006, do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà H đã bỏ về nhà cha mẹ của bà H tại địa chỉ 121 121 đường N, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó đi đâu không rõ, không liên lạc với ông và gia đình. Ông và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi bằng nhiều biện pháp nhưng vẫn không có tin tức gì của bà H. Năm 2018, ông Tr đã làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố bà H mất tích và đã được Toà án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu, tuyên bố bà H mất tích theo Quyết

định giải quyết việc dân sự số 441/2018/QĐDS-ST ngày 28/9/2018. Nay, do không có tin tức của bà H và tình cảm dành cho bà H không còn nên ông Tr yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Kim H.

Trong quá trình chung sống, ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh Tr1, sinh ngày 08/12/1995 (đã thành niên) và Nguyễn Trần Quốc D, sinh ngày 02/7/2000 (đã thành niên).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà H không có tài sản chung và không vay nợ gì của ai nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Trần Kim H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án không thu thập được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

Ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà H, về con chung, tài sản chung và nợ chung ông vẫn giữ lời trình bày thể hiện trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 - ông Phan Xuân Hiền phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Tr đã chấp hành đúng các quy định pháp luật. Bị đơn bà H vắng mặt toàn bộ suốt quá trình giải quyết vụ án, vi phạm quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận A, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Tr thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hương.

Ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Tr và bà H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 07 tháng 12 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Trích lục kết hôn số 48 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có tin tức hay liên lạc với gia đình từ năm 2006 đến nay. Năm 2018, ông Tr đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích và đã được Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu, tuyên bố bà H mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 441/2018/QĐDS-ST ngày 28/9/2018 nên yêu cầu của ly hôn của ông Tr cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Tr và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh Tr1, sinh ngày 08/12/1995 và Nguyễn Trần Quốc D, sinh ngày 02/7/2000. Hai con chung đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr xác định giữa ông và bà H không có tài sản chung, không vay nợ gì của ai và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về qui định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về qui định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Tr ly hôn với bà Trần Kim H.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Trần Kim H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh Tr1, sinh ngày 08/12/1995 và Nguyễn Trần Quốc D, sinh ngày 02/7/2000. Hai con chung đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn Tr tự khai không có tài sản chung và không nợ gì của ai.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Văn Tr phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0018827 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn Tr đã nộp đủ án phí.

3. Ông Nguyễn Văn Tr và bà Trần Kim H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường T, Quận A,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh Minh

